

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký

Kinh doanh số	3203001246	ngày 20 tháng 12 năm 2006
	0400102091	ngày 14 tháng 9 năm 2010
	0400102091	ngày 17 tháng 5 năm 2011
	0400102091	ngày 6 tháng 11 năm 2013
	0400102091	ngày 8 tháng 5 năm 2015

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0400102091	ngày 25 tháng 8 năm 2015
0400102091	ngày 9 tháng 5 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Trị	Chủ tịch
Ông Mai Đăng Đầu	Thành viên
Ông Phạm Khắc Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Vạn Thọ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Liên Hoa	Thành viên
Ông Lại Tiến Mạnh	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Sơn	Thành viên
Ông Trương Công Trị	Thành viên
Ông Đinh Xuân Hân	Thành viên
	(từ ngày 28 tháng 4 năm 2018)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Hoàng Giang	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lê Thăng Bình	Thành viên
Ông Võ Văn Nam	Thành viên
	(từ ngày 28 tháng 4 năm 2018)
Bà Hà Thị Phúc	Thành viên
	(đến ngày 27 tháng 4 năm 2018)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Trị	Tổng Giám đốc
Ông Mai Đăng Đầu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Chí Toàn	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

253 Dũng Sĩ Thanh Khê
Quận Thanh Khê
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Danapha (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Quang Trị
Tổng Giám đốc

Thành phố Đà Nẵng, ngày 15 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dược Danapha**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Danapha (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 8 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Danapha tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 18-01-264

Chang Hung Chun

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0863-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Trương Vĩnh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1901-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2018

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		584.495.268.042	483.758.217.772
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	121.176.510.750	20.694.129.643
Tiền	111		21.176.510.750	19.359.407.985
Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	1.334.721.658
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		309.501.248.640	337.180.265.291
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	276.856.766.132	290.990.125.334
Trả trước cho người bán	132		24.656.359.411	44.495.486.318
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	1.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	9.609.205.805	8.072.090.065
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(2.621.082.708)	(6.377.436.426)
Hàng tồn kho	140	10	144.749.575.721	121.606.041.894
Hàng tồn kho	141		144.972.873.509	122.378.137.978
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(223.297.788)	(772.096.084)
Tài sản ngắn hạn khác	150		9.067.932.931	4.277.780.944
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.065.047.420	3.927.385.079
Thuế phải thu Nhà nước	153		2.885.511	350.395.865
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		258.470.199.862	204.964.690.092
Tài sản cố định	220		216.514.571.352	165.984.260.555
Tài sản cố định hữu hình	221	11	172.315.489.339	121.785.178.542
<i>Nguyên giá</i>	222		331.840.733.618	268.722.186.075
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(159.525.244.279)	(146.937.007.533)
Tài sản cố định vô hình	227	12	44.199.082.013	44.199.082.013
<i>Nguyên giá</i>	228		44.199.082.013	44.199.082.013
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		10.992.944.165	7.240.153.130
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	10.992.944.165	7.240.153.130
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	15.473.000.000	15.473.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		8.820.000.000	8.820.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.800.000.000	6.800.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(147.000.000)	(147.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		15.489.684.345	16.267.276.407
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	15.489.684.345	16.267.276.407
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		842.965.467.904	688.722.907.864

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		433.527.683.692	290.786.628.337
Nợ ngắn hạn	310		278.717.268.036	273.538.593.391
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	9.680.850.919	18.050.346.481
Người mua trả tiền trước	312		30.454.867.070	19.527.551.386
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	4.393.159.813	3.422.599.651
Phải trả người lao động	314		4.187.523.925	17.086.630.845
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	9.359.663.922	9.680.665.132
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	21.832.308.697	3.436.390.881
Vay ngắn hạn	320	20(a)	198.368.955.445	201.242.306.203
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	21	439.938.245	1.092.102.812
Nợ dài hạn	330		154.810.415.656	17.248.034.946
Vay dài hạn	338	20(b)	30.844.382.598	17.248.034.946
Trái phiếu chuyển đổi	339	22	123.966.033.058	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		409.437.784.212	397.936.279.527
Vốn chủ sở hữu	410	23	408.830.750.969	397.305.809.966
Vốn cổ phần	411	25	130.200.000.000	130.200.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		130.200.000.000	130.200.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		87.632.500.000	87.632.500.000
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		26.032.866.942	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	144.828.901.049	113.071.853.632
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		20.136.482.978	66.401.456.334
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay</i>	421b		20.136.482.978	66.401.456.334
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430	23	607.033.243	630.469.561
Nguồn kinh phí	431		474.181.416	474.181.416
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		132.851.827	156.288.145
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		842.965.467.904	688.722.907.864

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Người duyệt:

Trương Thị Diệu Huyền
Trưởng phòng Kế toán

Nguyễn Thị Vạn Thọ
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Tri
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2018

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Doanh thu bán hàng	01	28	167.561.594.280	219.279.764.333
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	906.276.613	1.838.397.661
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	28	166.655.317.667	217.441.366.672
Giá vốn hàng bán	11	29	75.362.194.353	115.814.260.565
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		91.293.123.314	101.627.106.107
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	2.793.173.623	1.322.548.421
Chi phí tài chính	22	31	7.507.000.089	6.441.688.534
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.490.765.489	6.399.979.544
Chi phí bán hàng	25	32	35.217.299.847	32.059.583.227
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	25.722.868.658	23.715.053.792
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		25.639.128.343	40.733.328.975
Thu nhập khác	31		120.271.366	410.909.091
Chi phí khác	32		489.019.280	10.000.000
Lỗ/(lợi nhuận) khác (40 = 31 - 32)	40		(368.747.914)	400.909.091
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		25.270.380.429	41.134.238.066
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	5.133.897.451	8.226.847.614
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		20.136.482.978	32.907.390.452
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.299	2.370
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	36	1.097	2.370

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Người duyệt:

Trương Thị Diệu Huyền
Trưởng phòng Kế toán

Nguyễn Thị Vạn Thọ
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Trị
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	25.270.380.429	41.134.238.066
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	12.588.236.746	7.977.069.654
Các khoản dự phòng	03	(3.987.408.675)	-
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(120.310.722)	(989.565.057)
Lãi do thanh lý tài sản cố định	05	-	(410.909.091)
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư dài hạn	05	-	(175.000.000)
Chi phí lãi vay	06	7.490.765.489	6.399.979.544
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	41.241.663.267	53.935.813.116
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	26.645.218.382	(27.671.407.919)
Biến động hàng tồn kho	10	(22.912.478.870)	(21.138.959.361)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(8.873.831.750)	(77.986.757.795)
Biến động chi phí trả trước	12	777.592.062	(1.801.946.467)
		36.878.163.091	(74.663.258.426)
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.973.136.289)	(7.452.206.930)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.765.626.642)	(5.566.707.489)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(11.884.009.802)	(6.388.416.305)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.255.390.358	(94.070.589.150)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(66.871.338.578)	(22.498.865.608)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	410.909.091
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	1.750.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	120.310.722	989.565.057
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(66.751.027.856)	(19.348.391.460)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	38.950.000.000
Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu chuyển đổi	33	313.486.128.728	162.534.652.186
Tiền trả nợ gốc vay	34	(152.764.231.834)	(126.049.205.221)
Tiền chi trả cổ tức	36	(6.743.878.289)	(3.502.805.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	153.978.018.605	71.932.641.965
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	100.482.381.107	(41.486.338.645)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	20.694.129.643	58.607.172.757
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)	70	121.176.510.750	17.120.834.112

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Người duyệt:

Trương Thị Diệu Huyền
Trưởng phòng Kế toán

Nguyễn Thị Vạn Thọ
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Trị
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Danapha (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3203001246 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20 tháng 12 năm 2006 từ việc cổ phần hóa Xí nghiệp Dược phẩm Trung ương 5.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh thuốc và hóa dược.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 504 nhân viên (1/1/2018: 502 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này. Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 6 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 35 năm.

(ii) Chi phí nâng cấp nhà xưởng

Chi phí nâng cấp nhà xưởng được ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ trên 1 năm đến 2 năm.

(j) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Trái phiếu phát hành

(i) Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(ii) Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu có thể chuyển đổi sang một lượng cổ phiếu không xác định được kế toán theo phương pháp tương tự như đối với trái phiếu thường. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu sang một lượng không xác định cổ phiếu không được kế toán riêng biệt.

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được coi là công cụ tài chính phức hợp gồm hai cấu phần: cấu phần nợ phải trả tài chính (nghĩa vụ phải thanh toán gốc và lãi) và cấu phần vốn chủ sở hữu (quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, cấu phần nợ phải trả tài chính được xác định bằng cách chiết khấu các khoản thanh toán trong tương lai của trái phiếu về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi sang cổ phiếu hoặc theo lãi suất thị trường mà Công ty có thể vay với các điều khoản tương tự (nếu không có lãi suất thị trường của trái phiếu tương tự nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu). Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được ghi giảm/tăng vào giá trị cấu phần nợ phải trả và sau đó được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Cấu phần vốn chủ sở hữu được ghi nhận ban đầu theo giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị cấu phần nợ phải trả tài chính.

Sau ghi nhận ban đầu, cấu phần nợ phải trả tài chính của trái phiếu chuyển đổi được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tế. Công ty tính toán chi phí lãi trái phiếu dựa trên lãi suất thực tế và phần nợ gốc của cấu phần nợ phải trả tài chính được xác định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Chênh lệch giữa chi phí lãi trái phiếu tính toán và lãi trái phiếu danh nghĩa được ghi tăng phần nợ gốc của cấu phần nợ.

Khi đáo hạn, quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu được kết chuyển vào thặng dư vốn cổ phần bất kể trái phiếu có được chuyển đổi hay không.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán kỳ, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn góp từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

(o) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối mỗi năm dựa trên tỷ lệ được các cổ đông quyết định tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý (Việt Nam và nước ngoài).

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Dược Danapha**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***4. Báo cáo bộ phận****Bộ phận chia theo vùng địa lý**

	Việt Nam		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	147.132.160.359	139.375.925.273	20.429.433.921	79.903.839.060	167.561.594.280	219.279.764.333
Chi tiêu vốn	9.976.513.361	17.607.242.917	56.894.825.217	4.891.622.691	66.871.338.578	22.498.865.608
	<hr/>					
	Việt Nam		Nước ngoài		Tổng cộng	
	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản của bộ phận	842.965.467.904	688.722.907.864	-	-	842.965.467.904	688.722.907.864

Công ty Cổ phần Dược Danapha**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	1.242.405.207	1.072.960.856
Tiền gửi ngân hàng	19.934.105.543	18.286.447.129
Các khoản tương đương tiền	100.000.000.000	1.334.721.658
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	121.176.510.750	20.694.129.643

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Danson – BG EOOD	168.282.270.298	175.683.289.068
Công ty TNHH Dược Kim Đô	27.208.123.233	34.389.575.493
Các khách hàng khác	81.366.372.601	80.917.260.773
	276.856.766.132	290.990.125.334

(b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Danson – BG EOOD (*)	168.282.270.298	175.683.289.068
Công ty Cổ phần Dược – Thiết bị Y tế Đà Nẵng (**)	1.686.774.552	851.798.687
Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome (**)	197.733.364	153.601.098

(*) Khoản phải thu ngắn hạn từ Danson-BG EOOD có thời hạn hoàn trả là 365 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn và được đảm bảo bằng các tài sản sau của Ông Nguyễn Quốc Thắng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Danson-BG EOOD và đồng thời là cổ đông lớn của Công ty:

(i) Số cổ tức mà Công ty phải trả cho Ông Nguyễn Quốc Thắng với số tiền 13.981.878.600 VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Thuyết minh 19).

(ii) 3.563.427 cổ phiếu của Công ty được nắm giữ bởi Ông Nguyễn Quốc Thắng (Thuyết minh 25).

(**) Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan này không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn.

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Khoản cho vay đối với Công ty Cổ phần Dược liệu Công nghệ cao Daplantex	1.000.000.000	-

Khoản cho vay này có thời hạn gốc một năm, hưởng lãi suất năm là 7% và không được bảo đảm.

8. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tạm ứng	2.834.470.098	1.181.669.704
Ký quỹ ngắn hạn	6.645.094.407	6.692.666.407
Khác	129.641.300	197.753.954
	9.609.205.805	8.072.090.065

Công ty Cổ phần Dược Danapha**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Dự phòng phải thu khó đòi**

	Số ngày quá hạn	30/6/2018			1/1/2018			
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Nợ quá hạn								
Danson - BG EOOD	1 - 180	60.361.060.130	-	60.361.060.130	1 - 140	49.811.503.195	(3.270.410.255)	46.541.092.940
Công ty TNHH Dược phẩm Bái Tử Long	2.215 - 2.242	200.000.000	(200.000.000)	-	2.033 - 2.060	200.000.000	(200.000.000)	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hưng Yên – Chi nhánh Khoái Châu	2.284	148.985.733	(148.985.733)	-	2.102	148.985.733	(148.985.733)	-
Bệnh viện Tâm thần Tiền Giang	2.227 - 2.285	136.922.982	(136.922.982)	-	2.044 - 2.102	136.922.982	(136.922.982)	-
Các khách hàng khác	181 - 2.373	4.934.395.734	(2.135.173.993)	2.799.221.741	181 - 2.192	7.786.527.676	(2.621.117.456)	5.165.410.220
		<u>65.781.364.579</u>	<u>(2.621.082.708)</u>	<u>63.160.281.871</u>		<u>58.083.939.586</u>	<u>(6.377.436.426)</u>	<u>51.706.503.160</u>

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	6.377.436.426	6.077.436.426
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(3.756.353.718)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.621.082.708	6.077.436.426
	<hr/>	<hr/>

10. Hàng tồn kho

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên vật liệu	72.485.811.505	(742.410)	63.562.346.170	(30.318.686)
Công cụ và dụng cụ	231.428.966	(71.652.376)	294.772.924	(232.325.119)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.714.403.820	-	2.593.223.793	-
Thành phẩm	65.197.832.113	(150.903.002)	55.613.069.005	(509.452.279)
Hàng hóa	343.397.105	-	314.726.086	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	144.972.873.509	(223.297.788)	122.378.137.978	(772.096.084)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có 223 triệu VND (1/1/2018: 772 triệu VND) hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 144.973 triệu VND (1/1/2018: 121.606 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	772.096.084	1.888.895.357
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(231.054.957)	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(317.743.339)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	223.297.788	1.888.895.357
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	126.081.406.607	131.806.817.949	10.833.961.519	268.722.186.075
Tăng trong kỳ	3.423.072.979	57.022.343.564	190.000.000	60.635.416.543
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.483.131.000	-	-	2.483.131.000
Số dư cuối kỳ	131.987.610.586	188.829.161.513	11.023.961.519	331.840.733.618
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	47.641.342.016	93.798.147.379	5.497.518.138	146.937.007.533
Khấu hao trong kỳ	6.671.547.684	5.237.659.755	679.029.307	12.588.236.746
Số dư cuối kỳ	54.312.889.700	99.035.807.134	6.176.547.445	159.525.244.279
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	78.440.064.591	38.008.670.570	5.336.443.381	121.785.178.542
Số dư cuối kỳ	77.674.720.886	89.793.354.379	4.847.414.074	172.315.489.339

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản nguyên giá 150.649 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2018: 97.874 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 69.541 triệu VND (1/1/2018: 18.194 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	44.199.082.013
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ/số dư cuối kỳ	44.199.082.013

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 1.649 triệu VND (1/1/2018: Không có) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7.240.153.130	23.916.227.781
Tăng trong kỳ	6.235.922.035	8.414.403.790
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(2.483.131.000)	(30.775.624.350)
Số dư cuối kỳ	10.992.944.165	1.555.007.221

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2018	
	VND	1/1/2018
	VND	VND
Nhà máy dược công nghệ cao	9.883.382.398	6.130.591.363
Các công trình khác	1.109.561.767	1.109.561.767
	10.992.944.165	7.240.153.130

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 9.883 triệu VND (1/1/2018: 6.131 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 20).

Trong kỳ, không có chi phí đi vay nào được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (2017: 477 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Đầu tư tài chính dài hạn

	Địa chỉ	30/6/2018						1/1/2018							
		Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		
Đầu tư góp vốn vào:															
Công ty liên kết															
Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome (*)	Đà Nẵng, Việt Nam	882.000	49%	49%	8.820.000.000	(147.000.000)	(**)	882.000	49%	49%	8.820.000.000	(147.000.000)	(**)		
Đơn vị khác															
Công ty Cổ phần Dược – Thiết bị Y tế Đà Nẵng	Đà Nẵng, Việt Nam	630.000	7%	7%	6.800.000.000	-	(**)	630.000	7%	7%	6.800.000.000	-	(**)		
					15.620.000.000	(147.000.000)	(**)						15.620.000.000	(147.000.000)	(**)
					15.620.000.000	(147.000.000)	(**)						15.620.000.000	(147.000.000)	(**)

(*) Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome là công ty cổ phần được thành lập theo giấy Chứng nhận Đầu tư số 321032000092 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 28 tháng 10 năm 2009. Các hoạt động chính là sản xuất và kinh doanh các loại hóa, dược, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng; nghiên cứu và phát triển khoa học ứng dụng cho dược phẩm.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Dược Danapha**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí nâng cấp nhà xưởng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	15.814.571.520	452.704.887	16.267.276.407
Phân bổ trong kỳ	(333.201.462)	(444.390.600)	(777.592.062)
Số dư cuối kỳ	15.481.370.058	8.314.287	15.489.684.345

16. Phải trả người bán ngắn hạn**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	30/6/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Quảng cáo và Sản xuất Bao bì An Đức	2.219.805.874	2.219.805.874	5.355.877.164	5.355.877.164
Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Hưng Thịnh	-	-	1.085.340.000	1.085.340.000
Công ty TNHH Aceto Pte	3.092.155.000	3.092.155.000	241.900.400	241.900.400
Nhà thuốc Thành Phát	231.639.500	231.639.500	1.849.512.500	1.849.512.500
Các nhà cung cấp khác	4.137.250.545	4.137.250.545	9.517.716.417	9.517.716.417
	9.680.850.919	9.680.850.919	18.050.346.481	18.050.346.481

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/Cán trừ trong kỳ VND	30/6/2018 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.765.626.642	5.133.897.451	(3.765.626.642)	4.133.897.451
Thuế thu nhập cá nhân	652.436.051	2.648.784.945	(3.041.958.634)	259.262.362
Thuế giá trị gia tăng	-	7.399.916.316	(7.399.916.316)	-
Các loại thuế khác	4.536.958	4.704.400	(9.241.358)	-
	3.422.599.651	15.187.303.112	(14.216.742.950)	4.393.159.813

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Hoa hồng cho đại lý và nhà phân phối	6.273.154.506	5.892.967.468
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (i)	2.483.131.000	-
Chi phí lãi vay	-	482.370.800
Chi phí tiếp thị	603.378.416	3.305.326.864
	9.359.663.922	9.680.665.132

- (i) Công ty đã trả trước cho nhà cung cấp cho phần giá này của chi phí xây dựng cơ bản dở dang đã được hoàn thành bởi nhà cung cấp nhưng chưa phát hành hóa đơn tại ngày 30 tháng 6 năm 2018.

19. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Cổ tức phải trả (i)	19.888.086.600	3.195.964.889
Kinh phí công đoàn	41.426.668	110.967.016
Tạm ứng từ bên ủy thác (ii)	1.280.000.000	-
Phải trả khác	622.795.429	129.458.976
	21.832.308.697	3.436.390.881

- (i) Bao gồm trong cổ tức phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có khoản cổ tức trị giá 13.981.878.600 VND của Ông Nguyễn Quốc Thắng được dùng để đảm bảo cho khoản phải thu của Danson – BG EOOD trị giá 168.282.270.298 VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Thuyết minh 6).

Công ty Cổ phần Dược Danapha**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Số dư này thể hiện khoản tạm ứng từ một đối tác cho Công ty liên quan đến Hợp đồng Ủy thác Nhập khẩu Máy móc được ký vào ngày 16 tháng 4 năm 2018. Tổng giá trị của máy móc mà Công ty cần phải nhập là 55.800 USD. Theo như hợp đồng ủy thác này thì Công ty sẽ được hưởng phí ủy thác khi hoàn thành là 600 USD.

20. Các khoản vay**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2018 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong kỳ		30/6/2018 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	191.766.762.703	141.716.536.219	(147.357.409.578)	186.125.889.344
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	9.475.543.500	8.174.344.857	(5.406.822.256)	12.243.066.101
	201.242.306.203	149.890.881.076	(152.764.231.834)	198.368.955.445

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay ngân hàng từ:				
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	3,2%	3.639.107.400	-
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	VND	5,8% - 9,5%	83.719.891.987	74.144.069.964
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	VND	6,5% - 7,0%	82.778.152.403	73.059.741.883
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	VND	7,3%	10.562.950.856	10.562.950.856
▪ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng	USD	2,8% - 3,1%	5.425.786.698	-
Vay từ các cá nhân	VND	7,37%	-	34.000.000.000
			186.125.889.344	191.766.762.703

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ 7.945 triệu VND (1/1/2018: 7.945 triệu VND) (Thuyết minh 11) và tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ 1.649 triệu VND (1/1/2018: Không có) (Thuyết minh 12) tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 .

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Vay dài hạn	43.087.448.699	26.723.578.446
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(12.243.066.101)	(9.475.543.500)
	30.844.382.598	17.248.034.946

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2018	1/1/2018
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (i)	VND	7,2%	2022	19.966.274.900	16.616.179.300
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (ii)	VND	7,4% - 9,9%	2022	14.074.330.800	4.187.757.500
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng (iii)	VND	9,9%	2020	9.046.842.999	5.919.641.646
				43.087.448.699	26.723.578.446

- (i) Khoản vay này có hạn mức là 23.782 triệu VND và được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị hàng tồn kho của Công ty có giá trị ghi sổ là 144.973 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2018: 121.606 triệu VND) (Thuyết minh 10). Khoản vay này được trả hàng quý.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức USD và VND lần lượt là 556.500 USD và 11.100 triệu VND hoặc số tiền tương đương VND và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 61.596 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2018: 10.249 triệu VND) (Thuyết minh 11). Khoản vay này được trả hàng quý.
- (iii) Khoản vay này có hạn mức là 6.168 triệu VND và được đảm bảo bằng chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 9.883 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2018: 6.131 triệu VND) (Thuyết minh 13). Khoản vay này được trả hàng quý.

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho cán bộ, công nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.092.102.812	8.212.882.949
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 23)	11.208.408.917	-
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	(11.860.573.484)	(6.051.000.137)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	439.938.245	2.161.882.812

Công ty Cổ phần Dược Danapha**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi gồm các trái phiếu có thể chuyển đổi sang một lượng cổ phiếu xác định.

Số dư của trái phiếu chuyển đổi tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 thể hiện tổng số trái phiếu chuyển đổi mà Công ty đã phát hành trong kỳ. Chi tiết của trái phiếu chuyển đổi tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 như sau:

	Ngày phát hành	Kỳ hạn gốc	Kỳ hạn còn lại	Tỷ lệ chuyển đổi	Số lượng	Mệnh giá VND	Lãi suất	Lãi suất chiết khấu	Giá trị nợ gốc VND	Giá trị quyền chọn VND
Lô 1	4/5/2018	24 tháng	22 tháng	1:500	15.000	10.000.000	0%	10%	123.966.033.058	26.032.866.942
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng									123.966.033.058	26.032.866.942

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, bao gồm trong trái phiếu chuyển đổi có số trái phiếu chuyển đổi được nắm giữ bởi các bên liên quan như sau:

	30/6/2018
	Mệnh giá VND
Ông Nguyễn Quốc Thắng – cổ đông lớn	52.000.000.000
Tổng Công ty Dược Việt Nam – cổ đông lớn	33.000.000.000

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí và các quỹ khác VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	130.200.000.000	87.632.500.000	-	113.071.853.632	66.401.456.334	397.305.809.966	630.469.561	397.936.279.527
Phát hành trái phiếu chuyển đổi (Thuyết minh 22)	-	-	26.032.866.942	-	-	26.032.866.942	-	26.032.866.942
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	20.136.482.978	20.136.482.978	-	20.136.482.978
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	31.757.047.417	(31.757.047.417)	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(11.208.408.917)	(11.208.408.917)	-	(11.208.408.917)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(23.436.000.000)	(23.436.000.000)	-	(23.436.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	(23.436.318)	(23.436.318)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018	130.200.000.000	87.632.500.000	26.032.866.942	144.828.901.049	20.136.482.978	408.830.750.969	607.033.243	409.437.784.212
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	97.650.000.000	81.232.500.000	-	113.071.853.632	-	291.954.353.632	1.009.431.381	292.963.785.013
Phát hành cổ phiếu	32.550.000.000	6.400.000.000	-	-	-	38.950.000.000	-	38.950.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	32.907.390.452	32.907.390.452	-	32.907.390.452
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	(337.416.168)	(337.416.168)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	130.200.000.000	87.632.500.000	-	113.071.853.632	32.907.390.452	363.811.744.084	672.015.213	364.483.759.297

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 28 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức trị giá 23.436 triệu VND, tương đương với 18% vốn điều lệ từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2017 (2017: 19.530 triệu VND, tương đương với 20% vốn điều lệ).

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	13.020.000	130.200.000.000	13.020.000	130.200.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.020.000	130.200.000.000	13.020.000	130.200.000.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	13.020.000	130.200.000.000	13.020.000	130.200.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Tại ngày báo cáo, chi tiết các cổ đông của Công ty như sau:

	30/6/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tổng Công ty Dược Việt Nam	3.888.167	29,86%	3.888.167	29,86%
Ông Nguyễn Quốc Thắng (i)	3.563.427	27,37%	3.563.427	27,37%
Bà Nguyễn Thị Minh Phượng	791.667	6,08%	791.667	6,08%
Các cổ đông khác	4.776.739	36,69%	4.776.739	36,69%
	13.020.000	100,00%	13.020.000	100,00%

- (i) Số cổ phiếu này được dùng để đảm bảo cho khoản phải thu của Danson – BG EOOD trị giá 168.282.270.298 VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Thuyết minh 6).

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2018		30/6/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	13.020.000	130.200.000.000	9.765.000	97.650.000.000
Phát hành cổ phiếu trong kỳ	-	-	3.255.000	32.550.000.000
Số dư cuối kỳ	13.020.000	130.200.000.000	13.020.000	130.200.000.000

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Trong vòng một năm	1.289.206.314	1.338.850.150
Trong vòng hai đến năm năm	4.135.832.026	4.384.138.673
Sau năm năm	19.496.977.552	19.893.926.638
	24.922.015.892	25.616.915.461

(b) Ngoại tệ

	30/6/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	601.732	13.773.637.331	45.581	1.031.466.775
EUR	44.973	1.197.451.098	306.300	8.269.803.150

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2018	1/1/2018
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	54.125.411.395	65.118.355.560

28. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	167.561.594.280	219.279.764.333
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(906.276.613)	(1.838.397.661)
Doanh thu thuần	166.655.317.667	217.441.366.672

29. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Giá vốn hàng bán bao gồm:		
▪ Thành phẩm đã bán	75.566.853.960	115.720.158.454
▪ Hàng hóa đã bán	26.395.350	94.102.111
▪ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(231.054.957)	-
	75.362.194.353	115.814.260.565

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Thu nhập từ tiền lãi	120.310.722	989.565.057
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	-	175.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.672.862.901	157.983.364
	2.793.173.623	1.322.548.421

31. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	7.490.765.489	5.120.579.544
Chi phí lãi vay cho một hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	1.279.400.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.234.600	41.708.990
	7.507.000.089	6.441.688.534

32. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	10.051.931.147	10.086.325.301
Chi phí vật liệu	539.335.920	1.498.265.534
Công cụ và dụng cụ	3.461.700	2.765.500
Chi phí khấu hao	833.116.062	536.984.074
Phí bảo lãnh ngân hàng	398.500.927	341.604.971
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	1.747.730.397	2.242.263.571
Chi phí quảng cáo và tiếp thị	5.248.819.669	4.298.572.954
Phí hoa hồng	15.993.967.627	12.453.507.877
Chi phí khác	400.436.398	599.293.445
	35.217.299.847	32.059.583.227

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nhân viên	11.714.471.450	12.383.201.335
Chi phí vật liệu	2.407.735.641	3.021.101.438
Công cụ và dụng cụ	36.030.268	56.065.900
Chi phí khấu hao	7.314.810.256	2.764.438.864
Phí ngân hàng	133.989.042	144.099.497
Dịch vụ mua ngoài	5.579.972.562	4.026.003.039
Hoàn nhập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(3.756.353.718)	-
Chi phí khác	2.292.213.157	1.320.143.719
	25.722.868.658	23.715.053.792

34. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	62.239.541.293	99.658.232.757
Chi phí nhân công và nhân viên	28.500.322.378	32.960.036.850
Chi phí khấu hao và phân bổ	12.588.236.746	7.977.069.654
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.296.353.464	13.121.870.813
Chi phí khác	17.677.908.977	17.871.687.510

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	5.133.897.451	8.226.847.614

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	25.270.380.429	41.134.238.066
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	5.054.076.086	8.226.847.614
Chi phí không được khấu trừ thuế	79.821.365	-
Chi phí thuế thu nhập	5.133.897.451	8.226.847.614

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Dược Danapha**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Lãi trên cổ phiếu****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông là 16.914.645.702 VND (2017: 28.711.698.169 VND), và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 13.020.000 (2017: 12.115.833), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	20.136.482.978	32.907.390.452
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi (*)	(3.221.837.276)	(4.195.692.283)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	16.914.645.702	28.711.698.169

(*) Khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được ước tính dựa trên tỷ lệ 16% (2017: 12,75%) lợi nhuận sau thuế cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 và tỷ lệ phân bổ này được dựa trên kế hoạch dự kiến phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 và tỷ lệ phân bổ thực tế trong kỳ kế toán năm gần nhất.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành vào đầu kỳ	13.020.000	9.765.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong kỳ	-	2.350.833
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	13.020.000	12.115.833

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.299	2.370

Công ty Cổ phần Dược Danapha**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho kỳ kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông được điều chỉnh do bị pha loãng là 16.914.645.702 VND cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (2017: 28.711.698.169) và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm tàng là 2.403.315 cổ phiếu chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông được điều chỉnh do bị pha loãng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông (cơ bản)	16.914.645.702	28.711.698.169
Chi phí lãi vay của trái phiếu có thể chuyển đổi, sau thuế	-	-
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông được điều chỉnh do bị pha loãng	16.914.645.702	28.711.698.169

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được điều chỉnh do bị pha loãng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 Cổ phiếu	30/6/2017 Cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (cơ bản)	13.020.000	12.115.833
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi của trái phiếu có thể chuyển đổi	2.403.315	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông được điều chỉnh do bị pha loãng	15.423.315	12.115.833

(iii) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.097	2.370

Công ty Cổ phần Dược Danapha
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Tổng Công ty Dược Việt Nam – cổ đông lớn		
Cổ tức	6.997.989.600	5.831.658.000
Lãi cho một hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	1.279.400.000
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	33.000.000.000	-
Chuyển nhượng cổ phần	-	11.664.504.000
Ông Nguyễn Quốc Thắng – cổ đông lớn		
Phát hành trái phiếu chuyển đổi	52.000.000.000	-
Cổ tức	6.414.433.200	5.345.361.000
Danson – BG EOOD		
Bán hàng hóa	19.703.279.635	68.076.098.175
Công ty Cổ phần Dược – Thiết bị Y tế Đà Nẵng		
Bán hàng hóa	2.170.634.147	3.565.349.613
Công ty Cổ phần Dược Danapha – Nanosome		
Bán hàng hóa	16.988.478	195.103.643
Thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		
Tiền lương, thù lao và trợ cấp	1.618.236.460	1.509.861.837

38. Các yếu tố mang tính thời vụ hay chu kỳ

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ ngoại trừ những khoản mục sau:

(a) Tiền thưởng cho nhân viên

Công ty tạm thời chưa trích trước các khoản tiền thưởng cuối năm cho nhân viên vì khoản tiền thưởng này không thể ước tính một cách đáng tin cậy tại ngày 30 tháng 6 năm 2018. Tuy nhiên, cho mục đích xác định lãi trên cổ phiếu, Công ty đã tạm ước tính quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 như được trình bày tại Thuyết minh 36.

Công ty Cổ phần Dược Danapha

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo các quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp giữa niên độ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất 20% đối với lợi nhuận trước thuế cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

39. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với so với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong ước tính kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với các ước tính kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

40. Các khoản mục bất thường

Không có khoản mục bất thường trọng yếu nào trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

41. Các thay đổi trong cơ cấu Công ty

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018

Người lập:

Người duyệt:

Trương Thị Diệu Huyền
Trưởng phòng Kế toán

Nguyễn Thị Vạn Thọ
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Tri
Tổng Giám đốc